

Phát triển bền vững và đầu tư nước ngoài

Giáo sư TSKH Nguyễn Mại

Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài- VAFIE

I. Phát triển bền vững

- Phát triển bền vững bao hàm tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.
 - **Về kinh tế :**
 - Tốc độ và hiệu quả.
 - Mô hình tăng trưởng
 - Nông nghiệp đa dạng
 - Kinh tế vùng.
 - **Về xã hội :**
 - Xóa đói giảm nghèo, việc làm
 - Dân số, chất lượng y tế
 - Đô thị hóa
 - Trình độ dân trí.
 - **Về môi trường :**
 - Tài nguyên đất
 - Tài nguyên nước
 - Khoáng sản
 - Biển và hải đảo
 - Đô thị
 - Xử lý chất thải
 - Đa dạng sinh học
 - Biến đổi khí hậu

II. Giới hạn của tăng trưởng

I- Biến đổi khí hậu

Nhiệt độ trái đất tăng do lượng khí thải CO₂

- Cam kết giảm khí thải chưa có kết quả, 1990 – 2009 khí thải tăng 28%
- Nắng nóng, hạn hán kéo dài, sa mạc hóa
- Lũ lụt, bão tuyết, sóng thần
- Sông băng, núi băng tan chảy : 30 năm diện tích băng ở Bắc Cực giảm 12%, mực nước biển dâng 0.4 cm/năm.
- Người tỵ nạn vì biến đổi khí hậu, hiện nay là 25 triệu/năm; 2050 là 1 tỷ người.

II. Giới hạn của tăng trưởng

II. Môi đe dọa

- Bankinmoon : “ Có 2 sự lựa chọn :
 - 1. Thỏa thuận tổng thể về biến đổi khí hậu.
 - 2. Dẫn đến sự diệt vong của loài người.
- Dịch bệnh mới lan truyền, bệnh cũ bùng phát : Nhiệt độ tăng 3-5oC -> 50-80 triệu người bị bệnh sốt rét.
- Tài nguyên nước : Thế kỉ 20 dân số tăng 3 lần, tiêu dùng nước tăng 6 lần. Lãng phí nước nghiêm trọng.
- An ninh lương thực :
 - Giá lương thực tăng 87% tháng 3/2007, tăng 3 lần đầu năm 2008.
 - Thiếu lương thực toàn cầu.
- Năng lượng :
 - Nhu cầu tăng nhanh, trữ lượng dầu thô có hạn.
 - giá cả kỉ lục : 147 USD/barel tháng 7/2008.
 - Vũ khí chính trị.
 - Ô nhiễm môi trường.

II. Giới hạn của tăng trưởng

III. Môi trường và tăng trưởng kinh tế

- Câu lạc bộ Rome năm 1972 xuất bản “ Các giới hạn của sự tăng trưởng ” cảnh báo thế giới ngưng phát triển từ 2015
- Báo cáo viễn cảnh môi trường toàn cầu tháng 10/2007 : “ Môi trường trái đất đang tiến dần đến ngưỡng giới hạn tồn vong của nhân loại ”.
- Việt Nam là một trong năm nước Châu Á chịu tác động nặng nề nhất : 50 năm, nhiệt độ tăng 0.7o C; nước biển dâng 20cm. 2100 dự báo nhiệt độ tăng 3oC, nước biển dâng 1m, 12.3% diện tích chìm dưới biển.

III. FDI và phát triển bền vững

- Đầu tư # thương mại : Đầu tư là dài hạn, thương mại là ngắn hạn.
- FDI góp phần tăng trưởng kinh tế :
 - FDI/vốn đầu tư xã hội : 2001-2005 16%, 2006-2007 25%, 2008 30%, 2012 26%.
 - FDI/GDP : 2001-2005 14,5%, 2006 17,96%, 2012 19,43%.
 - Tạo 1,6 triệu việc làm.
 - Thay đổi phương thức sản xuất, phân phối và tiêu dùng.
- Chiến lược mới về FDI :
 - Chất lượng và hiệu quả cao
 - Xây dựng nền kinh tế ít carbon
 - Chú trọng chuyển giao công nghệ thích hợp
 - Lao động có kỹ năng cao

III. FDI và phát triển bền vững

- Kinh tế vĩ mô :
 - Thay đổi chính sách theo hướng nâng cấp FDI và tạo ra mối liên kết giữa TNCs với doanh nghiệp Việt Nam.
 - Hoàn thiện thể chế, khuyến khích, ưu đãi các dự án thân thiện môi trường, công nghệ sạch, thành phố xanh, dịch vụ chất lượng cao.
 - Xây dựng quy tắc, tiêu chuẩn, định mức.
 - Tăng cường hậu kiểm.
- Chính quyền địa phương thực hiện tốt phân cấp quản lý FDI.
 - Cải tiến hoạt động xúc tiến đầu tư.
 - Lựa chọn đúng đối tác đầu tư.
 - Tổ chức thẩm định FDI vì lợi ích quốc gia.
 - Hướng dẫn, thanh tra và kiểm tra
- Các doanh nghiệp Việt Nam
 - Tư duy đúng về cơ hội và thách thức trong hội nhập quốc tế.
 - Có chiến lược kinh doanh dài hạn.
 - Chú trọng công nghệ, quản lý, chất lượng và hiệu quả.
 - Hợp tác cùng phát triển với các đối tác trong nước và ngoài nước.

Kết luận

- **FDI là cần thiết, nhưng không phải là sự bắt buộc đối với các quốc gia.**
- **Chính phủ và chính quyền địa phương vừa tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, vừa biết lựa chọn đối tác, dự án phù hợp với phát triển bền vững của đất nước.**
- **Chủ động trong các khâu thu hút FDI là phương châm hành động của các cấp chính quyền.**